TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 05/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Doanh và bà Nguyễn Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thoa - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Công T - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 12/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 22/3/2024 đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân A, sinh năm: 1981; Giới tính: Nam
Nơi ĐKHKTT: tổ 7, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở: tổ 8, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Bố: Nguyễn Xuân L. Sinh năm: 1957.
Mẹ: Nguyễn Thị Kim D. Sinh năm: 1959.
Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.
Vợ: Trần Thị Thu P. Sinh năm: 1986 (là bị cáo trong vụ án).
Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015.
Tiền án, tiền sự: Chưa có.
Xuân A bị tạm giữ từ ngày 30/11/2023 đến ngày 03/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Thị Thu P. Sinh năm: 1986; Giới tính: Nữ.
Nơi ĐKHKTT: tổ 7, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở: tổ 8, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Trình độ học vấn: 02/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Bố: Trần Văn N.Sinh năm: 1960.
Mẹ: Chu Thị Bích A1. Sinh năm: 1961.
Chồng: Nguyễn Xuân A. Sinh năm: 1981 (là bị cáo trong vụ án).

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

P bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

Ông Trần Anh T1, sinh năm 1961(Vắng mặt)

Bà Đặng Thị Thu T2, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: căn hộ V, biệt thự V, khu đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***

-Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: số A, Đoàn T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

-Anh Lê Hoài N1, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: chung cư O, số A, ngõ B N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

-Chị Trần Thu T3, sinh năm 2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số B, ngách A N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

-Chị Trần Thị Thu P1, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: đội B, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân A, sinh năm 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ G, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; chỗ ở tại tổ H, phường B, quận L, thành phố Hà Nội từng là lái xe riêng cho vợ chồng ông Trần Anh T1, sinh năm 1961, bà Đặng Thị Thu T2, sinh năm 1960, ở tại căn hộ V, biệt thự V, khu đô thị E thuộc xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên đã thông thuộc cửa ra, vào căn hộ của ông T1 và biết cửa gỗ phía sau thường không khoá. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 08 giờ ngày 28/11/2023 Xuân A một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 29K1 – 876.29 từ nhà đến căn hộ nói trên với mục đích là để trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ 50 phút cùng ngày, Xuân A đến căn hộ (nhà) của ông T1 thì thấy cửa trước đã khoá và không có ai ở nhà; Xuân A dựng xe ở vỉa hè rồi đi bộ ra phía sau để mở cửa gỗ rồi đột nhập vào nhà ông T1. Xuân A đi lên tầng 2, vào gian phòng có cửa gỗ màu trắng sát cầu thang bên phải thì phát hiện trên mặt bàn gỗ màu trắng ở gần cửa sổ có 01 túi xách bằng da màu đen, không có khoá kéo. Xuân A mở túi xách thấy bên trong có 01 ví da màu hồng cam, bên trong ví có 01 thẻ visa bằng nhựa của Ngân hàng V có 04 số cuối là "8611", trên thẻ có chữ "DANG THI THU THUY" (số dư khả dụng được xác định là 168.123.800 đồng). Xuân A biết thẻ visa này có thể thanh toán mua hàng không cần nhập mật khẩu nên đã lấy chiếc thẻ cất vào túi quần với mục đích là để đi mua hàng bằng tiền trong thẻ nói trên. Xuân A tiếp tục lục túi quần dài kaki màu trắng treo ở sau cửa ra vào thấy 01 sấp tiền, gồm các tờ có mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng và 200.000 đồng ở túi quần phía trước bên phải; Xuân A bỏ ra đếm được 7.000.000 đồng, Xuân A cầm tiền cất vào túi quần phía sau bên phải của mình rồi đi tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/11/2023, Xuân A về nhà đưa cho vợ là Trần Thị Thu P, sinh năm 1986 xem thẻ visa trên và nói: "nhặt được 01 thẻ visa". P xem thấy thẻ visa màu đen, ghi tên chủ thẻ là "DANG THI THU THUY", P nói: "nếu người ta làm

rơi thẻ thì người ta cũng khoá tài khoản lại rồi". Tuy nhiên, Xuân A biết thẻ vẫn sử dụng thanh toán được nên nói với P "thẻ này là thẻ mua sắm, người ta rơi thẻ chưa chắc đã khoá, nên mình thử ra mua sắm đồ xem thế nào" thì P đồng ý đi mua hàng cùng với Xuân A. Xuân A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 29K1 – 876.29 chở P đến siêu thị R ở số D đường H, phường B, quận L, thành phố Hà Nội mua đồ dùng sinh hoạt hết số tiền 678.430 đồng, P là người đã cầm thẻ visa thanh toán số tiền trên. Xuân A tiếp tục rủ P dùng thẻ visa nói trên đi mua vàng và điện thoại thì P đồng ý. Ngay sau đó Xuân A chở P đến cửa hàng V1 ở số B đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội mua 03 nhẫn vàng có tổng khối lượng 09 chỉ, (gồm: 01 nhẫn 01 chỉ giá 6.323.000 đồng, phí quẹt thẻ 104.000 đồng; 01 nhẫn 03 chỉ giá 18.969.000 đồng, phí quẹt thẻ 313.000 đồng; 01 nhẫn 05 chỉ giá 31.615.000 đồng, phí quẹt thẻ 521.000 đồng). Tổng số tiền Xuân A và P đã chiếm đoạt để mua vàng và trả phí quẹt thẻ là 57.845.000 đồng, P vẫn là người cầm thẻ visa để thanh toán số tiền trên. Sau khi ra khỏi cửa hàng vàng bạc nói trên thì Xuân A tiếp tục chở P đến cửa hàng Đ ở số B đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; P cầm thẻ visa thanh toán hết số tiền 33.490.000 đồng. Như vậy, tổng cộng 03 lần liên tục mua sắm đồ dùng sinh hoạt, vàng, điện thoại và trả phí quẹt thẻ hết số tiền là 92.013.430 đồng. Sau khi mua được số tài sản nêu trên thì P đưa lại thẻ visa cho Xuân A rồi cùng Xuân A đi về.

Ngày 30/11/2023 ông T1 và bà T2 có đơn trình báo Công an xã X, huyện V về việc bị mất số tài sản nêu trên tại nhà là căn hộ VT102, biệt thự V, khu đô thị E. Công an xã X đã tiến hành xác minh sơ bộ sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/11/2023 Nguyễn Xuân A đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V xin đầu thú và giao nộp 01 thẻ visa của Ngân hàng V có 04 số cuối là 861, trên thẻ có chữ "DANG THI THU THUY"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; 03 nhẫn vàng như nêu ở trên cùng với 03 giấy đảm bảo vàng.

Ngày 11/12/2023 Trần Thị Thu P cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 29K1 – 876.29, đăng ký mang tên Trần Thị Thu P, nhưng xe được xác định là tài sản chung của Xuân A và P.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 niên thanh toán hoá đơn tại siêu thị R ở số D đường H, phường B, quận L, thành phố Hà Nội; 01 niên thanh toán hoá đơn tại cửa hàng Đ ở số B đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội và 06 bản phô tô niên thanh toán hoá đơn tại cửa hàng V1 ở số B đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành điều tra xác định: cửa hàng điện thoại S, người bán hàng và quản lý là Lê Hoài N1, sinh năm 1996, nơi thường trú: chung cư O, số A, ngõ B N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội và cửa hàng V1 thì người bán hàng và quản lý là Trần Thu T3, sinh năm 2002, nơi thường trú: số 20, ngách A N, phường P, quận B, thành phố Hà Nội không biết việc Xuân A và P đã sử dụng tài sản do phạm tội mà có để đi mua hàng. Nên sau khi biết được sự việc như nêu ở trên thì đại diện của 2 cửa hàng đã giao nộp lại số tiền mà Xuân A và P thanh toán khi mua vàng và điện thoại để trả cho bà Đặng Thị Thu T2. Tuy nhiên bà T2 cũng có nhu cầu mua lại số tài sản trên, nên Cơ quan điều tra đã lập biên bản cho bà T2 và 2 chủ cửa hàng thỏa thuận mua bán số vàng và điện thoại mà Xuân A và P đã mua. Còn một số đồ dùng sinh hoạt mà Xuân A và P mua tại siêu thị R, thì ông Nguyễn Xuân L là bố của Xuân A đã trả lại siêu thị và siêu thị đã trả lại số tiền

678.430 đồng cho ông L. Người bán hàng cho Xuân A và P là chị Trần Thị Thu P1, sinh năm 2001, nơi thường trú: đội 2, xã B, huyện Y, tỉnh Hòa Bình không biết việc Xuân A và P sử dụng tiền phạm tội để mua. Nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh N1, chị T3 và chị P1.

Ngày 02/12/2023, Cơ quan CSĐT đã trả cho bà T2 01 thẻ visa có 04 số cuối là 8611; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax; 03 nhẫn vàng, gồm 01 nhẫn 01 chỉ, 01 nhẫn 03 chỉ và 01 nhẫn 05 chỉ cùng 03 giấy đảm bảo vàng. Ngày 01/12/2023 ông Nguyễn Xuân L đã bồi thường số tiền 8.616.430 đồng cho ông T1, bà T2 (bao gồm 7.000.000đồng Xuân A đã trộm cắp tại nhà ông T1, 1.616.430 đồng là tiền mua đồ dùng sinh hoạt và phí giao dịch sử dụng thẻ). Ông T1, bà T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSVG ngày 11/3/2024,Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Xuân Anh và Trần Thị Thu P về tội "***Trộm cắp tài sản***" theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

- Các Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu tại bản Cáo trạng và tỏ thái độ ăn năn hối cải.

- Ông L không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 8.616.430 đồng ông đã thay các bị cáo bồi thường cho Bị hại, ông xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX áp dụng:

Điểm c khoản 2 điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân A.

Điểm c khoản 2 điều 173; Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Thu P.

Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân A và Trần Thị Thu P phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/11/2023;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu P từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 04 năm đến 04 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo P cho UBND phường B, L, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 29K1 – 87629 thu giữ của 2 bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Các Bị cáo không tranh luận gì.

- Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo, đúng pháp luật.

- Bị hại, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, các bị cáo, ông L và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: *Khoảng 09 giờ ngày 28/11/2023, tại căn hộ VT102, biệt thự V, khu đô thị E thuộc xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên của vợ chồng ông Trần Anh T1 và bà Đặng Thị Thu T2. Nguyễn Xuân A đã có hành vi lén lút vào nhà của ông T1, bà T2 lấy trộm của ông T1 số tiền 7.000.000đồng, lấy của bà T2 01 thẻ visa của Ngân hàng V. Sau đó Xuân A và Trần Thị Thu P lại có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt số tiền 92.013.430 đồng trong thẻ visa của bà T2 để mua hàng tạp hóa hết số tiền 678.430 đồng, mua 09 chỉ vàng hết số tiền 57.845.000 đồng và mua 01 điện thoại Iphone 15 hết số tiền 33.490.000 đồng thì bị phát hiện.*

Bị cáo A và P đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành thành tội "***Trộm cắp tài sản***" và thuộc trường hợp ***"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*** quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo về tội danh theo điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với anh Lê Hoài N1, chị Trần Thu T3 và chị Trần Thị Thu P1 là những người bán tài sản cho các bị cáo nhưng đều không biết các bị cáo sử dụng tiền từ thẻ Visa trộm cắp được nên không có căn cứ xử lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản của mình.

Bị cáo A từng làm lái xe riêng cho bị hại, biết gia đình bị hại có tài sản nên đã nảy sinh lòng tham, lén lút vào nhà bị hại để chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Không những thế, bị cáo biết chiếc thẻ Visa lấy được của bị hại có thể mua hàng mà không cần mật khẩu nên đã rủ vợ mình là bị cáo P sử dụng thẻ để mua đồ tiêu dùng, mua vàng, mua điện thoại. Bị cáo P tuy không biết việc bị cáo A trộm cắp chiếc thẻ, không biết chủ thẻ là ai, chủ thẻ có đồng ý hay không nhưng do lòng tham, hám lợi, muốn tiêu tiền mà không phải bỏ công sức lao động nên vẫn cùng bị cáo A quẹt thẻ để mua sắm, tiêu xài. Chứng tỏ các bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải đưa ra xét xử và áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

- Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo A trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản của bị hại, đồng thời khởi xướng, rủ rê bị cáo P cùng chiếm đoạt tài sản trong thẻ nên giữ vai trò chính. Bị cáo P là người thực hiện hành vi quẹt thẻ thanh toán tiền mua sắm nên có vai trò đồng phạm tích cực.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Anh 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, lần 1 bị cáo trộm cắp của bị hại 7.000.000đ và 01 thẻ Visa, lần 2 cùng bị cáo P chiếm đoạt 92.013.430 đồng tiền trong thẻ Visa để mua sắm, tiêu dùng. Giá trị tài sản của từng lần bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000đồng. Hành vi của bị cáo A thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện giao nộp tài sản có được từ việc trộm cắp tài sản để trả bị hại và đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; Các Bị cáo có bố là bệnh binh, được tặng nhiều Huy chương; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Riêng bị cáo A sau khi phạm tội đã tự giác đầu thú nên sẽ cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Anh tuy có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng lại có vai trò chính, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng nên cần xử phạt bị cáo một

mức hình phạt tù giam để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, qua đó cũng làm bài học cảnh tỉnh cho mọi người biết tôn trọng pháp luật.

Bị cáo P có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với vai trò thứ yếu, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật sẽ xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo, để bị cáo có cơ hội để sửa chữa lỗi lầm và có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng hai con nhỏ.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là vợ chồng ông Trần Anh T1à Đặng Thị Thu T2ồng ý nhận tài sản là vàng, điện thoại mà các bị cáo mua bằng tiền trộm cắp trong thẻ Visa của bà T2hận bồi thường từ bố các bị cáo là ông Ltiền 8.616.430 đồng gồm 7.000.000đồng Xuân Atrộm cắp tại nhà ông T1, 1.616.430 đồng là tiền mua đồ dùng sinh hoạt và phí giao dịch sử dụng thẻ. Ông T1, bà T2g yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Ông Nguyễn Xuân Lng yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 8.616.430 đồng ông đã thay các bị cáo bồi thường cho bị hại nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 29K1 – 87629 là tài sản chung của hai bị cáo, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên sẽ tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà Nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

-Điểm c khoản 2 điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân A.

-Điểm c khoản 2 điều 173; Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Thu P.

-Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; khoản 1 điều 292; Khoản 1 điều 293; Điều 299; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Xuân A và Trần Thị Thu P phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

3. Xử phạt:

-Bị cáo Nguyễn Xuân A 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/11/2023.

- Bị cáo Trần Thị Thu P 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/4/2024.

Giao bị cáo Trần Thị Thu P ban nhân dân phường B, quận L, thành phố Hà Nội bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.Về xử lý vật chứng:

Tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà Nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode, biển số 29K1 – 87629.

(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang ngày 21/3/2024)

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân A và Trần Thị Thu P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *CA huyện Văn Giang;*
- *VKS huyện Văn Giang;*
- *Chi cục THADS huyện Văn Giang;*
- *UBND phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội.*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Lâm